TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **183** /2026/HS-ST
Ngày: 27-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Hai
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Bá Bảo
Bà Nguyễn Thị Minh An

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Thanh - Chức danh: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến với điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân Khu vực 2 - Đà Nẵng và 01 điểm cầu thành phần là tại Phân Trại tạm giam Ngũ Hành Sơn đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 186/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1112/2026/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn T**. Tên gọi khác: Không, sinh ngày: 19 tháng 7 năm 1982; tại thành phố Đà Nẵng; Nơi thường trú: Tổ G, phường S, thành phố Đà Nẵng; Nơi ở hiện tại: K đường N, phường N, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C, *(sinh năm: 1948, còn sống) và* bà Hồ Thị C1 *(sinh năm: 1955, còn sống)*. Gia đình có 02 anh, em, bị can là thứ nhất, bị cáo có vợ: Mai Thị Hồng T1 *(sinh năm: 1988, đã ly hôn)* và có 04 con *(lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2023)*; Tiền án: Không; Tiền sự: không ; Bị cáo bị bắt ngày 28/5/2026, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Ngũ Hành S *(Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần Phân trại tạm giam Ngũ Hành S).*

- ***Bị hại:*** Bà Phan Thị T2, sinh năm 1973. Địa chỉ: B N, phường N, thành phố Đà Nẵng. *(Vắng mặt tại điểm cầu trung tâm là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng).*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:*

- Bà Tôn Nữ Mỹ D, sinh năm 1993. Địa chỉ: 5 Ông I, phường H, thành phố Đà Nẵng. *(Vắng mặt tại điểm cầu trung tâm là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng).*

- Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1967. Địa chỉ: B H, phường H, thành phố Đà Nẵng. *(Vắng mặt tại điểm cầu trung tâm là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16 giờ 30 phút ngày 25/5/2026, bà Phan Thị T2 *(sinh năm: 1973; nơi cư trú: Nhà số B đường N, phường N, thành phố Đà Nẵng)* đến Công an phường A, thành phố Đà Nẵng trình báo về việc bị mất 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ - đen, biển số 92G1-339.98, trong cốp xe có để số tiền 26.500.000 đồng.

Tiến hành điều tra xác định được như sau:

Khoảng 14 giờ 35 phút ngày 25/5/2026, Lê Văn T ở nhà thuê tại địa chỉ số K đường N, phường N, thành phố Đà Nẵng đi bộ xuống biển theo đường N. Đến trước nhà số I đường T, phường A, thành phố Đà Nẵng, T nhìn thấy xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu đỏ đen, BKS: 92G1-339.98 của bà Phan Thị T2 đang để trên lề đường, trên xe còn gắn chìa khóa điện không có người quản lý. T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe nên giả vờ đi qua đi lại, cho đến khi trên đường không có người thì T đi đến dắt xe ra đường khoảng 02 mét, bật chìa khóa nổ máy xe tẩu thoát. Khi đi qua cầu T, đến đoạn đường đối diện nhà số F N, phường T, thành phố Đà Nẵng thì xe bị hết xăng nên T dừng lại. T mở cốp xe ra để kiểm tra xăng thì có thấy trong cốp có một túi xách màu đen, T liền mở ra kiểm tra thì thấy có một xấp tiền ngân hàng N loại mệnh giá 500.000 đồng được buộc bằng dây thun, bên cạnh có thêm 02 tờ tiền loại mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ tiền loại mệnh giá 100.000 đồng *(tổng là 26.500.000 đồng)*. T lấy toàn bộ số tiền này bỏ vào túi quần bên phải của T, còn xe Tự để lại trên vỉa hè. Tự bắt xe Grap đi lên chợ H trên đường Â, vào một vị trí vắng người ngồi kiểm đếm được tổng cộng là 26.500.000 đồng rồi đi vào chợ mua một số áo quần và giầy dép hết 700.000 đồng, đi ra một quán trên đường P nhậu hết 850.000 đồng. Nhậu xong, T đặt xe Grap đi đến cửa hàng Thế giới di động tại địa chỉ C Đ mua một chiếc điện thoại di động Samsung A17, màu đen với giá 7.000.000 đồng, nhờ nhân viên Thế giới di động tên Tôn Nữ Mỹ D *(sinh năm: 1993; Nơi cư trú: 5 đường Ô, phường H, thành phố Đà Nẵng)* chuyển vào tài khoản số 105885917137 ngân hàng V của T số tiền 14.000.000 đồng, số tiền mặt còn lại Tự tiêu xài cá nhân hết.

Tiến hành sao kê và kiểm tra số dư tài khoản ngân hàng của T thì số tiền trong tài khoản T cũng đã tiêu xài hết. Còn chiếc điện thoại di động Samsung A17, màu đen, T cũng đem cầm cố cho bà Nguyễn Thị Kim O *(sinh năm: 1967; Nơi cư trú: B đường H, phường H, thành phố Đà Nẵng)* tại dịch vụ cầm đồ P1 ở địa chỉ E C, phường N, thành phố Đà Nẵng lấy số tiền 1.500.000 đồng tiêu xài hết *(bút lục: 19 - 26; 29 - 32; 33 - 43; 49 - 63)*.

**** Tài sản và vật chứng tạm giữ:***

- 01 (một) đĩa CD, lưu đoạn video có độ dài 07 phút 58 giây, ghi lại quá trình Lê Văn T mua điện thoại di động tại cửa hàng T3 - Số C Đ, phường T, thành phố Đà Nẵng vào ngày 25/5/2026 và 01 Biên nhận thu tiền, do cửa hàng Thế giới di động cung cấp.

- Sao kê chi tiết giao dịch tại khoản số 105885917137, Ngân hàng V1 đứng tên Lê Văn T, do Ngân hàng thương mại cổ phần C2 chi nhánh Đ cung cấp.

- 01 (một) đĩa CD, có lưu đoạn video có độ dài 48 giây, ghi lại quá trình Lê Văn T trộm cắp tài sản là chiếc xe máy BKS: 92G1-339.98 tại I T, phường A, thành phố Đà Nẵng vào ngày 25/5/2026, trích xuất từ camera của cơ sở kinh doanh số H đường T do ông Đào Trung P cung cấp.

- 01 (một) chiếc điện thoại Samsung Galaxy A17, màu đen, số IMEI: 355851159463857 và Phiếu cầm đồ thu giữ của bà Nguyễn Thị Kim O.

- 01 đĩa CD ghi âm ghi hình hỏi cung bị can Lê Văn T tại Phân trại tạm giam N, thành phố Đà Nẵng *(bút lục: 28, 33 - 34, 38 - 40)*.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐGTS ngày 03/7/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự phường A, thành phố Đà Nẵng, kết luận về giá trị tài sản tại thời điểm tháng 5/2026 như sau *(bút lục: 11 - 17)*:

TT	Tên tài sản	Kết luận về giá trị tài sản của Hội đồng (đồng)
	01 (một) xe mô tô Yamaha Sirius màu đỏ đen, - Sản xuất năm 2019, - Đã qua sử dụng, - BKS: 92G1-33998, - Số khung: RLCUE3720KY020604 - Số máy: E32VE091156	10.633.000

Như vậy, tổng trị giá tài sản Lê Văn T trộm cắp là 37.133.000 đồng, gồm:

+ Trị giá xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu đỏ đen, BKS: 92G1-33998 là: 10.633.000 đồng;

+ Tiền mặt trong cốp xe: 26.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, Lê Văn T khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như trên. Lời khai nhận của T phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai người liên quan, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Ngoài ra, lúc 09 giờ ngày 26/5/2026, khi tiến hành kiểm tra chỗ ở của T tại K đường N, phường N, thành phố Đà Nẵng phát hiện tại góc nhà có 01 ba lô, màu đen-xanh, kích thước khoảng (30x40x20)cm, phía trước có chữ "DONG A UNIVERSITY", bên trong có: 01 gói màu xanh có dòng chữ TESLA MOTORS, có kích thước khoảng (8,5x6)cm; 01 một túi ni-lông khẩu trang, màu trắng, kích thước khoảng (18x15)cm bên trong chứa 10 viên nén hình vuông màu xám-vàng; 04 túi zip ni-lông trong suốt, kích thước mỗi túi khoảng (3x4)cm, bên trong các túi zip có chứa tinh thể rắn màu trắng. Bên trên cửa thông gió của căn nhà, Cơ quan Công an phát hiện và thu giữ bộ sử dụng ma túy, gồm: 01 chai nhựa rỗng, nắp màu vàng; 01 nỏ thủy tinh và 01 ống hút màu trắng-hồng. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ tiến hành lập biên bản quả tang, niêm phong tang vật theo quy định. Đối với hành vi này, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ đã tách ra thụ lý và xử lý thành một vụ việc riêng nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

Tại bản cáo trạng số 137/CT-VKSKV2 ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Lê Văn T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

*** Về TNHS:**

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"*

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 điều 51, Điều 38 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng.

*** Về xử lý vật chứng:** Đề nghị HĐXX lưu theo hồ sơ vụ án:

- 01 (một) đĩa CD, lưu đoạn video có độ dài 07 phút 58 giây, ghi lại quá trình Lê Văn T mua điện thoại di động tại cửa hàng T3 - Số C Đ, phường T, thành phố Đà Nẵng vào ngày 25/5/2026 và 01 Biên nhận thu tiền, do cửa hàng Thế giới di động cung cấp.

- Sao kê chi tiết giao dịch tại khoản số 105885917137, Ngân hàng V1 đứng tên Lê Văn T, do Ngân hàng thương mại cổ phần C2 chi nhánh Đ cung cấp.

- 01 (một) đĩa CD, có lưu đoạn video có độ dài 48 giây, ghi lại quá trình Lê Văn T trộm cắp tài sản là chiếc xe máy BKS: 92G1-339.98 tại I T, phường A, thành phố Đà Nẵng vào ngày 25/5/2026, trích xuất từ camera của cơ sở kinh doanh số H đường T.

- 01 đĩa CD ghi âm ghi hình hỏi cung bị can Lê Văn T tại Phân trại tạm giam N, thành phố Đà Nẵng

- Trả lại cho bị cáo 01 (một) chiếc điện thoại Samsung Galaxy A17, màu

đen, số IMEI: 355851159463857. Tuy nhiên, cần tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

*** Đối với những người có liên quan:**

Đối với bà Tôn Nữ Mỹ D, có hành vi bán điện thoại và chuyển tiền giúp Lê Văn T; bà Nguyễn Thị Kim O có hành vi nhận cầm cố điện thoại của bị cáo, nhưng quá trình điều tra xác định những người này không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ không xử lý đối với bà D và bà O là có căn cứ.

*** Về dân sự:**

Ông Lê Văn C *(cha của bị cáo)* đã thay mặt bị cáo trả cho bà Phan Thị T2 số tiền 25.000.000 đồng, bà T2 đã nhận và không yêu cầu bồi thường gì thêm *(bút lục: 24 - 26)*.

Buộc bị cáo phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim O số tiền 1.500.000 đồng.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình, nuôi con, vợ đã ly hôn, trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của bị cáo và ý kiến của người tham gia tố tụng khác; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng được triệu tập: Tại phiên tòa bà Phan Thị T2, bà Tôn Nữ Mỹ D, bà Nguyễn Thị Kim O vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, xét những người này đã được Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt; Xét những người này đã được cơ quan điều tra ghi lời khai và người bị hại đã nhận lại tài sản, việc vắng mặt của

họ không gây ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 14 giờ 35 phút ngày 25/5/2026, tại trước nhà số I đường T, phường A, thành phố Đà Nẵng, bị cáo Lê Văn T đã lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt của bà Phan Thị T2 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 92G1-339.98, trị giá 10.633.000 đồng và số tiền 26.500.000 đồng để trong cốp xe. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 37.133.000 đồng (Ba mươi bảy triệu một trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo là cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác có giá trị 37.133.000 đồng, đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng truy tố bị cáo Lê Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích vụ lợi. Do đó, cần xử lý bị cáo bằng một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 25.000.000 đồng; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt:

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, giá trị tài sản bị chiếm đoạt, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo. Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác. Vì vậy, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Do đó, cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt tù phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét bị cáo không có tài sản, không có điều kiện kinh tế để bảo đảm thi hành hình phạt bổ sung nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và tài liệu, đồ vật trong vụ án:

Đối với các tài liệu, dữ liệu điện tử gồm: 01 (một) đĩa CD lưu đoạn video có độ dài 07 phút 58 giây ghi lại quá trình bị cáo mua điện thoại di động tại cửa hàng T3, số C Đ, phường T, thành phố Đà Nẵng vào ngày 25/5/2026 và 01 Biên nhận thu tiền do cửa hàng Thế giới di động cung cấp; sao kê chi tiết giao dịch tại tài khoản số 105885917137, Ngân hàng V đứng tên bị cáo, do Ngân hàng Thương mại cổ phần C2 - Chi nhánh Đ cung cấp; 01 (một) đĩa CD lưu đoạn video có độ dài 48 giây ghi lại quá trình bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 92G1-339.98 tại số I T, phường A, thành phố Đà Nẵng vào ngày 25/5/2026, được trích xuất từ camera của cơ sở kinh doanh số H đường T do ông Đào Trung P cung cấp; 01 đĩa CD ghi âm, ghi hình việc hỏi cung bị can Lê Văn T tại Phân trại tạm giam N, thành phố Đà Nẵng (bút lục 28, 33-34, 38-40), xét thấy đây là các tài liệu, dữ liệu điện tử có liên quan đến vụ án và cần thiết cho việc giải quyết vụ án nên tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy A17, màu đen, số IMEI: 355851159463857: Xác định đây là tài sản do bị cáo mua bằng số tiền có được từ việc phạm tội. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại, quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại đã được bảo đảm. Chiếc điện thoại là tài sản phục vụ nhu cầu sử dụng cá nhân của bị cáo, không phải công cụ, phương tiện phạm tội và không còn cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, xét thấy không cần thiết phải tịch thu, HĐXX trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A17, màu đen, số IMEI: 355851159463857.

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 92G1-339.98, là tài sản của bà Phan Thị T2 bị bị cáo chiếm đoạt nhưng hiện chưa thu hồi được, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng chưa có kết quả. Do đó, tiếp tục truy tìm và xử lý theo quy định của pháp luật khi thu hồi được tài sản.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 25.000.000 đồng, ông Lê Văn C là cha của bị cáo đã thay mặt bị cáo bồi thường cho bà Phan Thị T2. Bà T2 đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Đối với số tiền 1.500.000 đồng, xét có căn cứ xác định bị cáo có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim O nên cần buộc bị cáo trả cho bà Nguyễn Thị Kim O số tiền 1.500.000 đồng.

[9] Đối với những người có liên quan:

Đối với bà Tôn Nữ Mỹ D, có hành vi bán điện thoại và chuyển tiền giúp Lê Văn T; bà Nguyễn Thị Kim O có hành vi nhận cầm cố điện thoại của bị cáo, nhưng quá trình điều tra xác định những người này không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ không xử lý đối với bà D và bà O là có căn cứ.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của HĐXX nên HĐXX chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS.

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Văn T** phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn T** 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 28 tháng 5 năm 2026).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án gồm:

- 01 (một) đĩa CD lưu đoạn video có độ dài 07 phút 58 giây ghi lại quá trình bị cáo mua điện thoại di động tại cửa hàng T3, số C Đ, phường T, thành phố Đà Nẵng vào ngày 25/5/2026;

- 01 (một) Biên nhận thu tiền do cửa hàng Thế giới di động cung cấp;

- Sao kê chi tiết giao dịch tại tài khoản số 105885917137, Ngân hàng V đứng tên Lê Văn T, do Ngân hàng Thương mại cổ phần C2 - Chi nhánh Đ cung cấp;

- 01 (một) đĩa CD lưu đoạn video có độ dài 48 giây ghi lại quá trình bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 92G1-339.98 tại số I T, phường A, thành phố Đà Nẵng vào ngày 25/5/2026, được trích xuất từ camera của cơ sở kinh doanh số H đường T.

- 01 (một) đĩa CD ghi âm, ghi hình việc hỏi cung bị cáo Lê Văn T tại Phân trại tạm giam N, thành phố Đà Nẵng.

- Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy A17, màu đen, số IMEI: 355851159463857. Tuy nhiên, cần tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 579 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lê Văn T trả cho bà Nguyễn Thị Kim O số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo, những người tham gia tố tụng tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người tham gia tố tụng khác vắng mặt có quyền kháng cáo với thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND Khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng THADS Khu vực 2- Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Hai

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**